

theo từng nhiệm vụ chi trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn (đối với nhiệm vụ chi thuộc cấp tỉnh quản lý) hoặc trình Chính phủ để trình Quốc hội phê chuẩn (đối với nhiệm vụ chi thuộc trung ương quản lý).

10. Kiểm tra, kiểm toán công tác kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước:

10.1. Kiểm tra kế toán được thực hiện thường xuyên là một biện pháp bảo đảm cho các quy định về kế toán được chấp hành nghiêm chỉnh và số liệu kế toán được báo cáo đầy đủ, trung thực, chính xác và khách quan. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện các khoản thu của các tổ chức, cá nhân đã nộp ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả ngay từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân và hạch toán giảm thu ngân sách. Những khoản chi không đúng chế độ quy định của pháp luật phải được thu hồi ngay cho ngân sách nhà nước và hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước.

10.2. Tất cả các đơn vị dự toán và các cấp phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc những quy định về công tác kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước. Nếu đơn vị nào, cấp nào vi phạm, ngoài việc phải chịu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, thống kê hiện hành; đơn vị dự toán cấp trên, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước đồng cấp có quyền tạm đình chỉ cấp kinh phí cho đến khi đơn vị dự toán và cấp dưới làm đúng những quy định của Thông tư này mới được cấp phát tiếp kinh phí. Trừ một số khoản chi cấp thiết phải có quyết định của Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách các cấp chính quyền địa phương) và quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương) mới được cấp phát.

10.3. Báo cáo quyết toán thu - chi ngân sách của các đơn vị dự toán các cấp và báo cáo quyết toán ngân sách của các cấp chính quyền trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn, phải được cơ quan Kiểm toán nhà nước kiểm toán. Trước mắt trong một vài năm tới, ngay từ đầu năm cơ quan Kiểm toán nhà nước ra quyết định

kiểm toán báo cáo quyết toán thu - chi ngân sách của một số đơn vị, địa phương; các đơn vị, địa phương được kiểm toán ngoài việc lập, gửi và xét duyệt báo cáo quyết toán như quy định nói trên, phải chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của Chính phủ về kiểm toán.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành và thực hiện thống nhất trong cả nước từ năm ngân sách 1999 và thay thế Thông tư số 09-TC/NSNN ngày 18/3/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Các văn bản, chế độ ban hành trước đây trái với quy định tại Thông tư này không còn hiệu lực thi hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 112/1998/TT-BTC ngày 04/8/1998 hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về phát triển thương mại miễn núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

Căn cứ các luật thuế, pháp lệnh thuế hiện hành;

Thi hành Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về phát triển thương mại miễn núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện miễn thuế, giảm thuế quy định tại Nghị định này như sau:

09665674

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1- Đối tượng áp dụng.

Đối tượng được miễn thuế, giảm thuế doanh thu và thuế lợi tức theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này là các thương nhân thuộc các thành phần kinh tế có hoạt động thương mại (quy định tại Mục IV Biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Nghị định số 96/CP ngày 27/12/1995) tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc bao gồm:

- Doanh nghiệp nhà nước;
- Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan hành chính sự nghiệp;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Hợp tác xã;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần;
- Doanh nghiệp tư nhân;
- Tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân có đăng ký kinh doanh và hoạt động theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Các đối tượng nêu trên chỉ được miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này khi:

- Đăng ký kinh doanh và hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.
- Đăng ký thuế, kê khai thuế theo đúng luật định.
- Mở sổ kế toán, ghi chép, lưu giữ sổ kế toán, hóa đơn chứng từ, giấy tờ liên quan đến hoạt động thương mại theo đúng quy định của pháp luật.

2- Địa bàn áp dụng.

Địa bàn miền núi, hải đảo và vùng đồng bào

dân tộc làm cơ sở để miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính huyện, thị xã được Ủy ban Dân tộc và Miền núi công nhận là huyện miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc.

II- HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP thì các thương nhân có hoạt động thương mại tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc được miễn thuế, giảm thuế doanh thu và thuế lợi tức như sau:

1- Mức ưu đãi và thời gian thực hiện miễn thuế, giảm thuế.

a) Đối với thương nhân kinh doanh tại khu vực III thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc:

- Giảm 50% thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ ngày Nghị định số 20/1998/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15 tháng 4 năm 1998) hoặc kể từ tháng có doanh thu chịu thuế đối với những thương nhân mới bổ sung hoặc mới đăng ký kinh doanh sau ngày 15 tháng 4 năm 1998;

- Miễn thuế lợi tức trong thời hạn 4 năm đầu kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 7 năm tiếp theo, nếu sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm nữa.

b) Đối với thương nhân kinh doanh tại khu vực II thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc:

- Giảm 50% thuế doanh thu đối với phần doanh thu có được từ việc bán những mặt hàng chính sách xã hội và các mặt hàng nông, lâm sản đã mua theo chính sách trợ cước trong thời hạn 4 năm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1998, hoặc kể từ tháng có doanh thu chịu thuế đối với những

thương nhân mới bổ sung hoặc mới đăng ký kinh doanh những mặt hàng này sau ngày 15 tháng 4 năm 1998;

- Miễn thuế lợi tức trong thời hạn 2 năm đầu kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo, nếu sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên thì được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp thêm 2 năm nữa.

c) Đối với thương nhân ở khu vực I trực tiếp bán các mặt hàng chính sách xã hội và thương nhân trực tiếp hoạt động kinh doanh ở khu vực I và khu vực II thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc khi bán các hàng hóa khác (ngoài các hàng hóa nêu tại Điểm II.1.b Thông tư này):

- Giảm 25% thuế doanh thu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1998 hoặc kể từ tháng có doanh thu chịu thuế đối với những thương nhân mới bổ sung hoặc mới đăng ký kinh doanh sau ngày 15 tháng 4 năm 1998;

- Miễn thuế lợi tức trong 2 năm đầu kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế lợi tức phải nộp trong 4 năm tiếp theo, nếu sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên thì được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp thêm 2 năm nữa.

Để được miễn thuế, giảm thuế theo các Tiết a, b, c Điểm II.1 Thông tư này thì các thương nhân phải hạch toán riêng phần doanh thu và lợi nhuận chịu thuế của hoạt động thương mại phát sinh trên địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc làm cơ sở cho cơ quan thuế thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế.

Số lao động bình quân trong năm chỉ tính cho số lao động có hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật về lao động và thương nhân chỉ được giảm 50% thuế lợi tức thêm 2 năm theo hướng dẫn tại các Tiết a, b, c Điểm II.1 Thông tư này, nếu liên tục trong thời gian được giảm thuế có sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên.

Thời gian được hưởng ưu đãi miễn, giảm về thuế lợi tức đối với các thương nhân nêu tại Tiết a, b, c Điểm II.1 Thông tư này được thực hiện theo đúng quy định tại Điểm 4.b Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP như sau:

- Đối với thương nhân đã hoạt động trước ngày 15 tháng 4 năm 1998 thì thời gian thực hiện miễn thuế, giảm thuế được áp dụng kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1998.

- Đối với thương nhân hoạt động từ ngày 15 tháng 4 năm 1998 trở đi thì thời gian thực hiện miễn thuế, giảm thuế được áp dụng kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế.

2- Thẩm quyền xét miễn thuế, giảm thuế và trình tự, thủ tục xét miễn thuế, giảm thuế.

Việc miễn thuế, giảm thuế cho các thương nhân quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này do cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc nộp thuế của thương nhân thực hiện khi quyết toán thuế hàng năm.

Hàng tháng trong năm được miễn thuế, giảm thuế, thương nhân được tạm thời kê khai và nộp thuế theo mức thuế được ưu đãi tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điểm II.1 Thông tư này. Hết năm khi quyết toán thuế, cơ quan thuế xét duyệt chính thức trên tờ khai tính thuế và ra thông báo thuế, trong đó ghi rõ số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm theo Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP. Nếu số thuế thương nhân đã tạm nộp trong năm chưa đủ so với số thuế phải nộp ghi trong thông báo thuế thì thương nhân phải nộp đủ số thuế còn thiếu theo đúng thời hạn ghi trong thông báo; trường hợp số thuế tạm nộp lớn hơn số thuế ghi trong thông báo thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo.

Cơ quan thuế chỉ được thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn trên đối với các thương nhân kê khai, nộp thuế doanh thu và thuế lợi tức với cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc nơi phát sinh

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

hoạt động thương mại được miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP.

Trong cùng một thời gian nếu thương nhân vừa được miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức theo Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP vừa được miễn thuế, giảm thuế doanh thu theo Khoản 3 Điều 18 Luật Thuế doanh thu; miễn thuế, giảm thuế lợi tức theo Điều 21, Điều 25 Luật Thuế lợi tức hoặc miễn thuế doanh thu, thuế lợi tức theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thì việc miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức chỉ thực hiện theo một trong các quy định trên.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Thương nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này có trách nhiệm:

- Xuất trình giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế quản lý ở địa bàn.

- Kê khai đầy đủ doanh thu và lợi tức chịu thuế phát sinh theo định kỳ do cơ quan thuế quy định.

Thương nhân vi phạm chế độ kê khai, đăng ký thuế; chế độ sổ sách, chứng từ kế toán thì không được miễn thuế, giảm thuế theo Thông tư này và tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2- Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, kiểm tra các thương nhân trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.

- Trong quá trình kiểm tra quyết toán thuế, kiểm tra nghĩa vụ thu, nộp ngân sách nhà nước theo định kỳ phát hiện thương nhân có hành vi khai man, trốn thuế thì ngoài việc không thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo Thông tư này, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu đủ số thuế thương nhân phải nộp theo luật định, xem xét mức độ vi phạm và xử phạt theo quy định của

pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

- Cơ quan thuế phải phản ánh đầy đủ, rõ ràng số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm; số thuế còn phải nộp và các chỉ tiêu khác trên các chứng từ thu, tờ khai thuế, sổ bộ thuế và sổ sách kế toán thuế. Cuối năm, cơ quan thuế tổng hợp đầy đủ tình hình thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo Thông tư này và báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1998.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ sở, các ngành, các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 115/1998/TT-BTC ngày 19/8/1998 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/1998/TT-BTC ngày 13/5/1998 hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 10/1998/ NĐ-CP ngày 23/1/1998.

Để khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thay thế Điểm 2, Mục I, Phần B Thông tư số 63/1998/TT-BTC ngày 13/5/1998 của Bộ Tài chính bằng Điểm 2 mới như sau: